

NHÌN LẠI QUÁ TRÌNH CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Ngày nhận bài: 10/06/2014

Ngày nhận lại: 15/07/2014

Ngày duyệt đăng: 09/09/2014

Vương Đức Hoàng Quân¹

TÓM TẮT

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế là một trong những vấn đề trung tâm của nền kinh tế đang phát triển. Thực tế cho thấy sự vận động, biến đổi của cơ cấu kinh tế diễn ra rất đa dạng, với kết quả thu được của quá trình chuyển dịch có thể thay đổi tùy thuộc vào nhiều yếu tố khách quan và chủ quan.

Trong thời gian qua, quá trình chuyển dịch cơ cấu trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (TP.HCM) đã đi đúng định hướng mà Đảng và nhà nước đề ra, đồng thời đạt được một số tích cực, là động lực cho tăng trưởng kinh tế. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả khả quan đó, TP.HCM phải đối mặt với rất nhiều khó khăn, thách thức; đặc biệt xét trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng như hiện nay.

Nội dung bài viết này xoay quanh các vấn đề về chuyển dịch cơ cấu kinh tế; mà trước hết là định hướng và các chính sách được đề xuất bởi các cấp chính quyền TP.HCM. Xuất phát từ thực trạng của quá trình chuyển dịch, nghiên cứu cho thấy được những thành tựu và hạn chế, cũng như nguyên nhân của vấn đề. Trên cơ sở đó, một số khuyến nghị được đề xuất nhằm thúc đẩy chuyển dịch đúng định hướng, đảm bảo nền kinh tế thành phố phát triển bền vững.

Từ khóa: chuyển dịch cơ cấu kinh tế, Thành phố Hồ Chí Minh, chính sách, kinh tế.

ABSTRACT

Economic structural change is one of core issues of developing economies. In fact, the movements and transformation of the fundamental structure of an economy is diverse and the outcomes depend on both objective and subjective factors.

Particularly, the economic structure change in Ho Chi Minh City has obtained a number of promising and remarkable results in the recent years, proving that the progress is on the right track as set by the Municipality's Communist Party and Government. These achievements have been a driving force for further economy development in Ho Chi Minh City. However, in addition to these positive results, Ho Chi Minh City still has to face many challenges, especially in the context of international integration.

The paper aims to provide a preliminary review on the progress of this shift in Ho Chi Minh City – one of the major economic centers of the country. The study tries to identify the achievements and the limitations in the efforts to accomplish this structural change process in the City as well as the causes of these issues. As a further effort, recommendations are also proposed to ensure that this progress keeps going on the right direction and contributing to create sustainable development for Ho Chi Minh City.

Keywords: economic structural change, Ho Chi Minh City, policy, economy.

¹ TS, Viện Nghiên cứu Phát triển TP.HCM (HIDS). Email: quan_vdh@yahoo.com

1. Tổng quan

Cơ cấu kinh tế là tổng thể một hệ thống kinh tế bao gồm nhiều yếu tố quan hệ chặt chẽ với nhau, tác động lẫn nhau trong không gian và thời gian nhất định, phù hợp với mục tiêu đã xác định của nền kinh tế; bao gồm cơ cấu ngành, cơ cấu vùng và cơ cấu thành phần kinh tế. Trong đó, cơ cấu ngành kinh tế – tổ hợp các ngành trong nền kinh tế theo một quan hệ tỷ lệ về lượng, thể hiện mối quan hệ giữa các ngành – giữ vai trò chủ đạo trong toàn bộ quá trình và phản ánh trình độ phát triển của nền kinh tế. Một nền kinh tế tăng trưởng đòi hỏi tất yếu phải có chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

Hiện có nhiều cách khái niệm về chuyển dịch cơ cấu kinh tế như:

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế là sự thay đổi cơ cấu kinh tế từ trạng thái này sang trạng thái khác cho phù hợp với phân công lao động xã hội, trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, các điều kiện về kinh tế xã hội trong những giai đoạn phát triển kinh tế nhất định (Trần Quang Phú, 2014).

Theo Phạm Thị Khanh (2010), chuyển dịch cơ cấu kinh tế là quá trình thay đổi tỷ trọng, vị trí các ngành, các lĩnh vực, các thành phần kinh tế trên cơ sở phù hợp với điều kiện khách quan và chủ quan nhằm đảm bảo cho nền kinh tế phát triển.

Chuyển dịch cơ cấu còn được định nghĩa là sự thay đổi về số lượng các ngành hoặc sự thay đổi về quan hệ tỷ lệ giữa các ngành, các vùng, các thành phần do sự xuất hiện hoặc biến mất của một số ngành và tốc độ tăng trưởng giữa các yếu tố cấu thành cơ cấu kinh tế (Hoàng Việt Anh, 2012).

Như vậy, điểm chung của các khái niệm trên đều nhấn mạnh sự thay đổi của cơ cấu kinh tế phù hợp với các điều kiện khách quan và chủ quan, nhằm hướng đến phát triển bền vững thông qua việc gia tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tiếp cận và ứng dụng khoa học – kỹ thuật,...

Theo Nguyễn Văn Nam và các đồng sự (2012), những yếu tố ảnh hưởng đến quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế bao gồm:

- Nhu cầu của thị trường: Thị trường và nhu cầu tiêu dùng của xã hội quy định chất lượng và số lượng của hàng hóa – dịch vụ; đồng thời có tác động đến quy mô, trình độ phát triển của các cơ sở kinh tế, xu hướng phát triển và phân công lao động xã hội.
- Trình độ phát triển của lực lượng sản xuất: Sự phát triển của lực lượng sản xuất sẽ tác động hình thành một cơ cấu kinh tế với vị trí, tỉ trọng các ngành và lĩnh vực phù hợp hơn, không những thích ứng được yêu cầu phát triển của lực lượng sản xuất, mà còn đáp ứng nhu cầu của xã hội.
- Định hướng, chiến lược và vai trò quản lý kinh tế vĩ mô của Nhà nước: Các cơ quan quản lý nhà nước tuy không trực tiếp sắp đặt, quy định tỷ lệ các ngành nghề; tuy nhiên vẫn tác động gián tiếp đến chuyển dịch cơ cấu kinh tế thông qua các định hướng, chiến lược và các chính sách khuyến khích ưu đãi hỗ trợ.
- Yếu tố tiên bộ khoa học – kỹ thuật: Trên cơ sở ứng dụng khoa học – kỹ thuật và công nghệ, năng suất lao động sẽ gia tăng, sản phẩm – dịch vụ có giá trị gia tăng cao được phát triển, đẩy mạnh quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế các ngành nghề nhanh chóng và hiệu quả.
- Quá trình toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế: Xu thế toàn cầu hóa kinh tế sẽ tạo ra sự dịch chuyển các luồng vốn, lao động và công nghệ. Sự gia nhập của các quốc gia vào các tổ chức và hiệp hội thương mại quốc tế giúp xóa bỏ các hàng rào mậu dịch giữa các nước. Từ đó, các chuỗi sản xuất liên kết giữa các quốc gia sẽ được hình thành.

2. Định hướng và chính sách về chuyển dịch cơ cấu kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh

Quá trình phát triển kinh tế - xã hội trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng như hiện nay đặt ra nhiều yêu cầu và nhiệm vụ mới đối với Thành phố Hồ Chí Minh. Để nâng cao trình độ người lao động, tăng cường ứng dụng khoa học – công nghệ, tăng năng suất sản xuất và giá trị gia tăng trong sản phẩm, đẩy

mạnh tốc độ tăng trưởng, đòi hỏi phải có sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Không chỉ dừng lại ở đó, sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế thành phố còn có ý nghĩa rất lớn đối với các vùng lân cận và cả nước, góp phần phát triển kinh tế, giải quyết việc làm, khai thác tiềm năng thế mạnh của từng địa phương.

Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh lần thứ IX nhiệm kỳ 2011 – 2015 đã xác định mục tiêu tổng quát của thành phố trong thời gian sắp tới là: “Tiếp tục đổi mới toàn diện và mạnh mẽ hơn nữa; nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu toàn Đảng bộ; phát huy dân chủ và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc; năng động, sáng tạo, huy động mọi nguồn lực, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ; xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh; bảo vệ môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu; không ngừng nâng cao đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân; bảo đảm quốc phòng – an ninh, giữ vững ổn định chính trị – xã hội; làm tốt vai trò đầu tàu của Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam; đóng góp ngày càng lớn cho cả nước; từng bước trở thành một trung tâm công nghiệp, dịch vụ, giáo dục – đào tạo, khoa học – công nghệ của khu vực Đông Nam Á.”

Trong đó, định hướng cơ cấu kinh tế được xác định là dịch vụ – công nghiệp – nông nghiệp. Cụ thể, Thành phố Hồ Chí Minh cần giảm dần tỷ trọng khu vực nông nghiệp và công nghiệp, đồng thời tăng dần tỷ trọng khu vực dịch vụ. Mục tiêu:

- Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm nội địa (GDP) bình quân hàng năm 12%.
- Tốc độ tăng trưởng giá trị gia tăng của ngành dịch vụ bình quân 13%/năm.
- Tốc độ tăng trưởng giá trị gia tăng của ngành công nghiệp bình quân 11%/năm.
- Tốc độ tăng trưởng giá trị gia tăng của ngành nông nghiệp bình quân 5%/năm.
- Cơ cấu kinh tế năm 2015 (% trong GDP): dịch vụ: 57%, công nghiệp: 42%, nông nghiệp: 01%.

Để hoàn thành mục tiêu đã đề ra, Thành phố Hồ Chí Minh đã nỗ lực và phối hợp đồng

bộ giữa các ngành các cấp, nhằm xây dựng những chiến lược, hành động cụ thể, thiết thực, hiệu quả. Nghị quyết Đại hội Đảng bộ TP.HCM lần thứ IX nhiệm kỳ 2011 - 2015 đề ra 6 chương trình đột phá; trong đó chương trình hỗ trợ chuyển dịch cơ cấu, chuyển đổi mô hình tăng trưởng có vai trò đặc biệt quan trọng. Nội dung chương trình là xác định việc tập trung nguồn lực phát triển nhanh các ngành, sản phẩm công nghiệp, dịch vụ có hàm lượng khoa học – công nghệ cao, giá trị gia tăng cao, nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp sinh thái, đi đầu cả nước trong chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế từ phát triển theo chiều rộng sang phát triển theo chiều sâu, có chất lượng, hiệu quả cao, bền vững.

Cụ thể, khu vực dịch vụ phải được đảm bảo có tốc độ tăng trưởng và tỉ trọng cao nhất trong cơ cấu kinh tế trên địa bàn, tập trung vào 9 nhóm ngành: tài chính – tín dụng – ngân hàng – bảo hiểm; thương mại; vận tải, kho bãi, dịch vụ cảng – hậu cần hàng hải và xuất nhập khẩu; bưu chính – viễn thông và công nghệ thông tin – truyền thông; kinh doanh tài sản – bất động sản; dịch vụ thông tin tư vấn, khoa học – công nghệ; du lịch; y tế; giáo dục – đào tạo. Đối với khu vực công nghiệp, thành phố tiếp tục tập trung phát triển 4 ngành công nghiệp có hàm lượng khoa học – công nghệ và giá trị gia tăng cao: cơ khí, điện tử – công nghệ thông tin, hóa dược – cao su, chế biến tinh lương thực thực phẩm và các ngành công nghệ sinh học, công nghiệp sạch, tiết kiệm năng lượng, công nghiệp phụ trợ. Bên cạnh đó, việc ứng dụng công nghệ sinh học cần tăng cường trong khu vực nông nghiệp, nhằm phát triển nông nghiệp đô thị hiện đại, hiệu quả, bền vững; và hoàn thành xây dựng mô hình nông thôn mới văn minh, giàu đẹp.

3. Thực trạng chuyển dịch cơ cấu kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh

3.1. Chuyển dịch cơ cấu khu vực kinh tế

Cơ cấu kinh tế trên địa bàn thành phố giai đoạn 2000 – 2013 đã chuyển dịch tích cực theo hướng giảm dần tỷ trọng GDP hai khu vực nông nghiệp – lâm nghiệp – thủy sản và công nghiệp – xây dựng, đồng thời tăng dần tỷ trọng GDP khu vực dịch vụ.

Bảng 1. Cơ cấu GDP trên địa bàn TP.HCM chia theo khu vực kinh tế giai đoạn 2000 – 2013 (tính theo giá thực tế)

Năm	Tổng số		Nông nghiệp - lâm nghiệp - thủy sản		Công nghiệp - xây dựng		Dịch vụ	
	Giá trị (tỷ đồng)	Cơ cấu (%)	Giá trị (tỷ đồng)	Cơ cấu (%)	Giá trị (tỷ đồng)	Cơ cấu (%)	Giá trị (tỷ đồng)	Cơ cấu (%)
2000	75.863	100,00	1.487	1,96	34.446	45,41	39.929	52,63
2001	84.852	100,00	1.592	1,88	39.190	46,19	44.067	51,93
2002	96.403	100,00	1.632	1,69	45.060	46,74	49.711	51,57
2003	113.326	100,00	1.821	1,62	55.668	49,56	55.837	49,71
2004	137.087	100,00	1.923	1,40	67.011	48,88	68.153	49,72
2005	165.297	100,00	2.121	1,28	79.538	48,12	83.638	50,60
2006	190.561	100,00	2.442	1,28	90.324	47,40	97.795	51,32
2007	243.783	100,00	3.060	1,26	110.832	45,46	129.891	53,28
2008	317.865	100,00	3.903	1,23	139.776	43,97	174.186	54,80
2009	383.457	100,00	4.395	1,15	165.941	43,27	213.121	55,58
2010	463.295	100,00	4.900	1,06	199.014	42,96	259.381	55,98
2011	576.225	100,00	5.946	1,03	237.228	41,17	333.051	57,80
2012	658.898	100,00	7.140	1,08	265.369	40,27	386.389	58,65
2013	764.561	100,00	7.769	1,02	310.640	40,63	446.152	58,35

Nguồn: Niên giám thống kê TP.HCM các năm 2000 – 2013

Sự chuyển dịch này đã và đang đi đúng hướng. Khu vực nông nghiệp – lâm nghiệp – thủy sản giảm dần từ 1,96% năm 2000 xuống còn 1,02% năm 2013; khu vực công nghiệp – xây dựng giảm từ 45,41% năm 2000 xuống còn 40,63% năm 2013; khu vực dịch vụ tăng dần từ 52,63% năm 2000 lên 58,35% năm 2013. Như vậy, tính đến cuối năm 2013, cơ

cấu kinh tế trên địa bàn thành phố là **dịch vụ – công nghiệp & xây dựng – nông nghiệp & lâm nghiệp & thủy sản**. Cơ cấu này đã chứng tỏ kinh tế thành phố có sự chuyển dịch cơ cấu rất rõ nét theo hướng tập trung thúc đẩy phát triển các ngành dịch vụ, từng bước trở thành trung tâm thương mại, khoa học – công nghệ, giáo dục – đào tạo.

Biểu đồ 1. Cơ cấu GDP trên địa bàn TP.HCM chia theo khu vực kinh tế giai đoạn 2000 – 2013 (tính theo giá thực tế)



3.2. Chuyển dịch cơ cấu nội bộ ngành dịch vụ

Bảng 2. Cơ cấu GDP chia theo ngành dịch vụ trên địa bàn TP.HCM giai đoạn 2000 – 2013 (tính theo giá thực tế)

Ngành dịch vụ	2000	2005	2010	2013
I. Giá trị				
Tổng số (Tỷ đồng)	75.863	165.297	463.294	764.561
<i>Chia theo ngành dịch vụ</i>				
1. Thương nghiệp	10.946	20.818	56.375	98.585
2. Khách sạn – nhà hàng	4.703	8.301	14.654	26.197
3. Vận tải – thông tin liên lạc	6.692	16.714	46.390	90.453
4. Tài chính – tín dụng	2.415	8.672	52.540	80.470
5. Khoa học – công nghệ	236	497	19.686	41.707
6. Kinh doanh tài sản – tư vấn	6.569	10.958	24.284	26.178
7. Giáo dục – đào tạo	2.604	5.126	10.421	20.309
8. Y tế	2.007	5.436	13.673	25.912
9. Các ngành dịch vụ khác	3.757	7.116	21.359	36.341

II. Cơ cấu				
Tổng số (%)	100,00	100,00	100,00	100,00
<i>Chia theo ngành dịch vụ</i>				
1. Thương nghiệp	14,43	12,59	12,17	12,89
2. Khách sạn – nhà hàng	6,20	5,02	3,16	3,43
3. Vận tải – thông tin liên lạc	8,82	10,11	10,01	11,83
4. Tài chính – tín dụng	3,18	5,25	11,34	10,52
5. Khoa học – công nghệ	0,31	0,30	4,25	5,46
6. Kinh doanh tài sản – tư vấn	8,66	6,63	5,24	3,42
7. Giáo dục – đào tạo	3,43	3,10	2,25	2,66
8. Y tế	2,65	3,29	2,95	3,39
9. Các ngành dịch vụ khác	4,95	4,30	4,61	4,75

Nguồn: Niên giám thống kê TP.HCM các năm 2000 – 2013

Trong giai đoạn 2000 – 2013, ngành dịch vụ trung gian tài chính có bước phát triển mang tính đột phá, tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng cho toàn khu vực dịch vụ, với tỷ trọng gia tăng đáng kể từ 3,18% năm 2000 lên đến 5,25% năm 2005 và 11,34% năm 2010, sau đó giảm nhẹ xuống còn 10,52% trong cơ cấu GDP dịch vụ Thành phố Hồ Chí Minh năm 2013. Đến 31/12/2013, Thành phố Hồ Chí Minh hiện có 01 ngân hàng thương mại nhà nước, 37 ngân hàng thương mại cổ phần, 05 ngân hàng 100% vốn nước ngoài, 04 ngân hàng liên doanh, 01 ngân hàng chính sách, 01 ngân hàng hợp tác xã, 17 công ty tài chính, 12 công ty cho thuê tài chính, 02 tổ chức tài chính vi mô, 51 chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam, 49 văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài tại Việt Nam (Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam). Sự phát triển đa dạng về loại hình tổ chức tín dụng với các hình thức sở hữu khác nhau đã tạo ra môi trường hoạt động cạnh tranh và thúc đẩy phát triển, đảm bảo cho khách hàng, doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế tiếp cận được các dịch vụ tín dụng, ngân hàng.

Bên cạnh đó, ngành khoa học – công nghệ cũng có tỷ trọng tăng cao từ 0,31% năm 2000 giảm nhẹ xuống 0,30% năm 2005, và tăng lên 4,25% năm 2010 và 5,46% GDP dịch vụ TP.HCM năm 2013. Điều đó thể hiện hoạt động khoa học – công nghệ đã nhận được nhiều sự quan tâm và đầu tư phát triển hơn so với thời gian trước đây. Một số mục tiêu của khoa học công nghệ thành phố trong thời gian tới là:

- i. Đầu tư cho khoa học và công nghệ từ ngân sách thành phố tăng trung bình 20% hàng năm, và huy động đầu tư từ xã hội cho khoa học và công nghệ tăng 30% hàng năm.
- ii. Tỷ lệ ứng dụng các đề tài khoa học và công nghệ vào thực tế đến năm 2015 là 35% và 40% đến năm 2020. Doanh thu từ các đề tài khoa học và công nghệ được ứng dụng đến năm 2015 là 500 tỷ đồng và là 1.000 tỷ đồng đến năm 2020.
- iii. Số đơn đăng ký sáng chế và giải pháp hữu ích đạt bình quân 200 đơn/năm (trong đó

số bằng được cấp là 50 bằng/năm) vào năm 2015 và đạt bình quân 400 đơn/năm (trong đó số bằng được cấp là 100 bằng/năm) vào năm 2020.

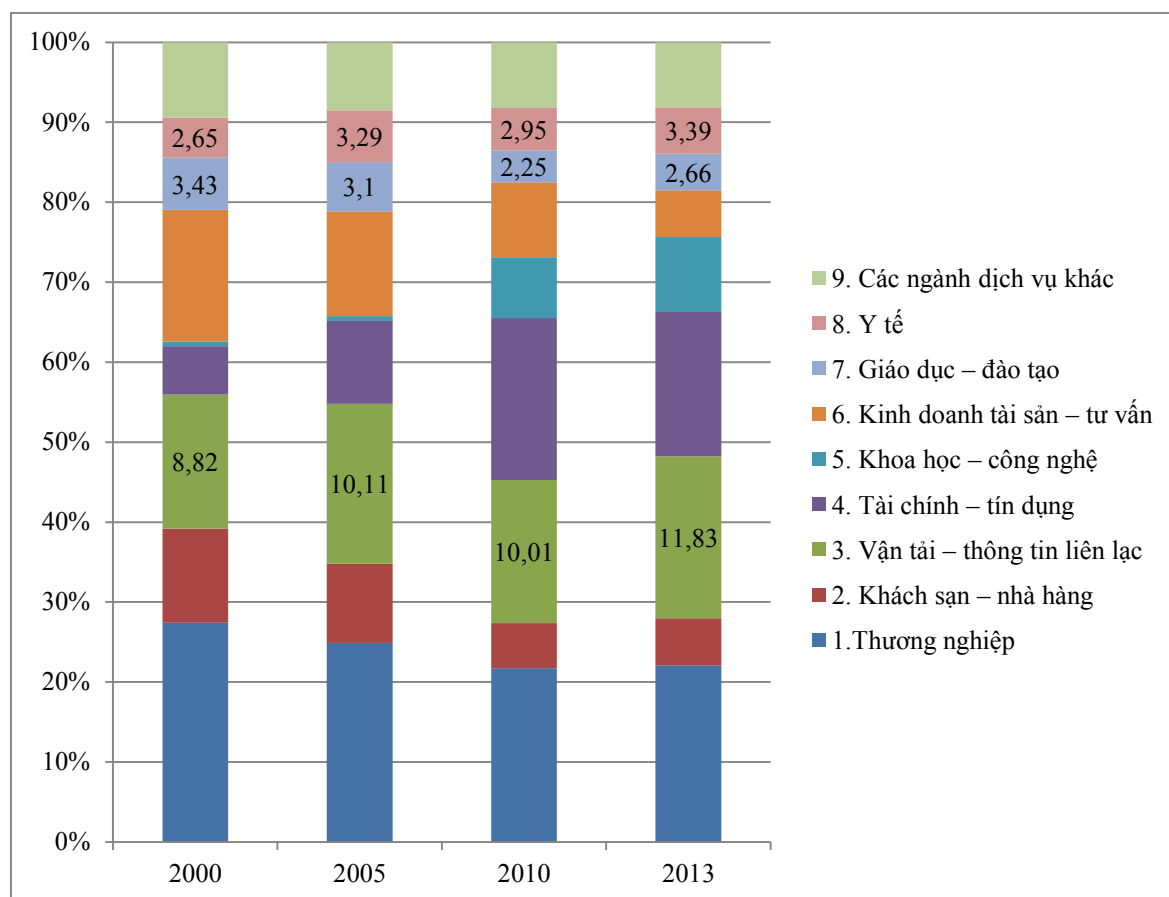
- iv. Chỉ số đóng góp các yếu tố năng suất tổng hợp TFP (Total Factors of Productivity) của thành phố đạt 40% vào năm 2015 và đạt 45% vào năm 2020.
- v. Số doanh nghiệp thực hiện đầu tư đổi mới công nghệ đạt 60% với mức đầu tư chiếm 5% lợi nhuận trước thuế vào năm 2015 và đạt 70% với mức đầu tư chiếm 8% lợi nhuận trước thuế vào năm 2020.

Mặt khác, xét trên lĩnh vực nội bộ ngành kinh tế, thương nghiệp vẫn chiếm tỷ trọng cao nhất, đồng thời có xu hướng ổn định qua các năm trong giai đoạn 2000 – 2013. Theo *Báo cáo Sơ kết 3 năm thực hiện Chương trình hỗ trợ chuyển dịch cơ cấu kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế thành phố (2011 – 2013) và nhiệm vụ giai đoạn 2014 – 2015* (Ủy ban nhân dân TP.HCM, 2013), Thành phố hiện có hơn 350.000 cơ sở thương mại, 243 chợ, 184 siêu thị, 30 trung tâm thương mại, 475 cửa hàng tiện ích và 2.310 văn phòng đại diện nước ngoài; hoạt động với nhiều mặt hàng,

chủng loại, chất lượng và các dịch vụ tiện ích để phục vụ người tiêu dùng, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp cũng như việc lưu thông hàng hóa. Tuy nhiên, do những bất ổn của nền kinh tế thế giới trong những năm gần đây, hoạt động xuất nhập khẩu của thành phố gặp nhiều khó khăn.

Ngành vận tải – thông tin liên lạc cũng chiếm tỷ trọng cao và tăng dần qua các năm, từ 8,82% năm 2000 lên đến 10,11% năm 2005, sau đó giảm nhẹ xuống còn 10,01% năm 2010 và tăng lên 11,82% năm 2013. Giai đoạn 2011 – 2013, nhiều công trình giao thông đã hoàn thành và đưa vào sử dụng, trong đó có nhiều công trình trọng điểm, quy mô lớn, như: Đường hầm sông Sài Gòn, Đại lộ Võ Văn Kiệt, Đường Tân Sơn Nhất – Bình Lợi (giai đoạn 1), 5 cầu vượt bằng thép qua các giao lộ nhằm giảm tình trạng ùn tắc giao thông. Mặt khác, thành phố đã tiếp tục khởi công nhiều dự án xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông quan trọng khác, cũng như đẩy nhanh tiến độ thực hiện, nhằm nâng cao giá trị lĩnh vực dịch vụ vận tải, kho bãi. Bên cạnh đó, thông tin liên lạc là lĩnh vực có tốc độ tăng trưởng cao nhất trong khu vực dịch vụ.

Biểu đồ 2: Cơ cấu GDP chia theo ngành dịch vụ trên địa bàn TP.HCM giai đoạn 2000 – 2013 (tính theo giá thực tế)



Có thể thấy quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế này phù hợp với định hướng phát triển chung của thành phố. Đây là nền tảng cơ bản để nền kinh tế thành phố nâng cao chất lượng tăng trưởng và chuyển đổi nhanh chóng mô hình tăng trưởng từ chiều rộng sang chiều sâu. Tuy nhiên, trong nội bộ khu vực dịch vụ, quá trình chuyển dịch cơ cấu diễn ra chậm, tỷ trọng một số ngành dịch vụ cao cấp như khoa học – công nghệ, giáo dục – đào tạo, y tế rất nhỏ trong GDP dịch vụ trên địa bàn thành phố và gần như tăng không đáng kể trong những năm qua. Cụ thể trong năm 2013, tỷ trọng trong cơ cấu GDP dịch vụ Thành phố Hồ Chí

Minh của ngành giáo dục – đào tạo là 2,66%, ngành y tế là 3,39%, ngành khoa học – công nghệ là 5,46%.

3.3. Chuyển dịch cơ cấu nội bộ ngành công nghiệp

Thành phố Hồ Chí Minh quyết định sẽ tập trung phát triển 4 ngành công nghiệp trọng yếu, bao gồm: cơ khí, điện tử – công nghệ thông tin, hóa dược – cao su, chế biến tinh lương thực thực phẩm. Tính đến cuối năm 2013, 4 ngành công nghiệp trọng yếu này chiếm 65,2% tổng giá trị sản xuất toàn ngành công nghiệp trên địa bàn thành phố.

Bảng 3. Cơ cấu giá trị sản xuất chia theo ngành công nghiệp trên địa bàn TP.HCM giai đoạn 2000 – 2013 (tính theo giá thực tế)

Ngành công nghiệp	2000	2005	2010	2013
I. Giá trị				
Tổng số (Tỷ đồng)	89.345	249.485	622.958	917.873
<i>Chia theo ngành công nghiệp</i>				
1. Chế biến lương thực thực phẩm	18.908	41.179	89.402	166.792
2. Hóa chất – nhựa cao su	15.140	45.164	118.636	183.439
3. Cơ khí	10.493	54.477	160.754	210.990
4. Điện tử – công nghệ thông tin	709	8.969	24.290	37.162
5. Các ngành công nghiệp khác	44.095	99.696	229.876	319.490
II. Cơ cấu				
Tổng số (%)	100,00	100,00	100,00	100,00
<i>Chia theo ngành công nghiệp</i>				
1. Chế biến lương thực thực phẩm	21,16	16,51	14,35	18,17
2. Hóa chất – nhựa cao su	16,95	18,10	19,04	19,99
3. Cơ khí	11,74	21,84	25,80	22,99
4. Điện tử – công nghệ thông tin	0,79	3,60	3,90	4,05
5. Các ngành công nghiệp khác	49,35	39,95	36,91	34,80

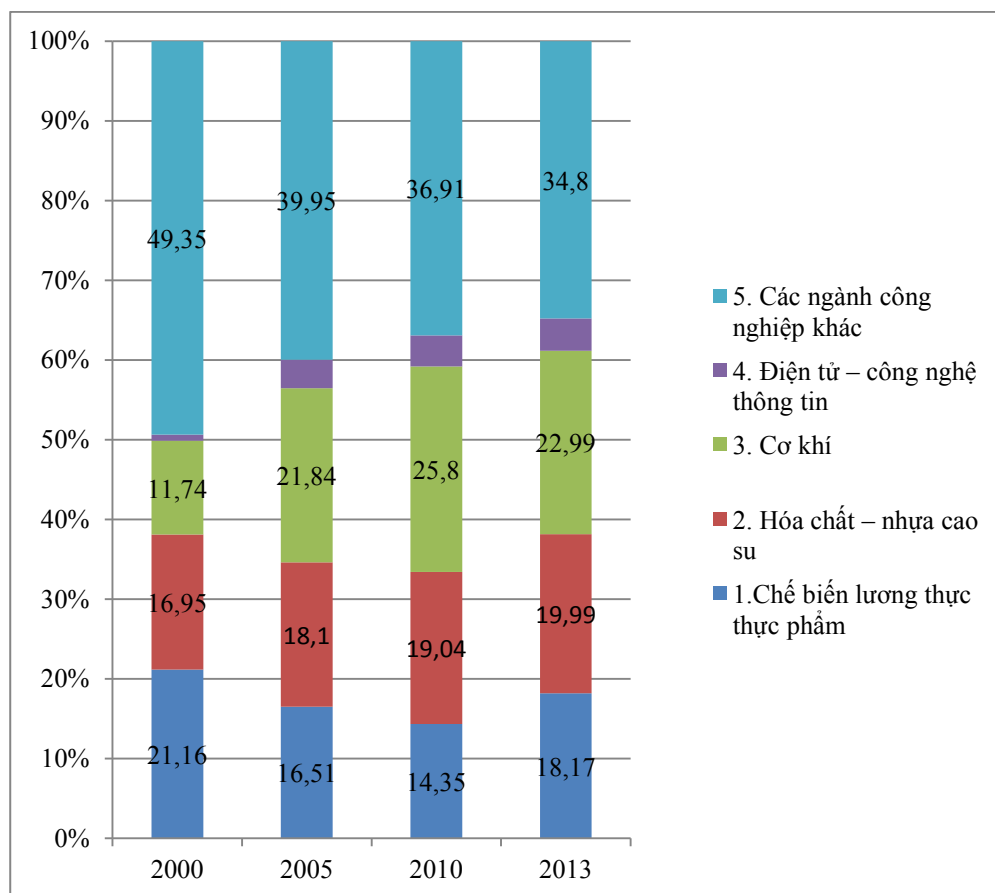
Nguồn: Niên giám thống kê TP.HCM các năm 2000 – 2013

Trong số 4 ngành công nghiệp trọng yếu, 3 ngành hóa chất - nhựa cao su, cơ khí và điện tử – công nghệ thông tin tăng dần liên tục tỷ trọng giá trị sản xuất trong giai đoạn 2000 – 2013. Cụ thể, ngành hóa chất – nhựa cao su tăng từ 16,95% năm 2000 lên 18,1% năm 2005, tiếp tục tăng lên 19,04% năm 2010 và lên 19,99% tổng giá trị sản xuất toàn ngành công nghiệp năm 2013. Hiện ngành đang phát triển theo hướng bảo vệ môi sinh, môi trường và tăng giá trị gia tăng, với công nghệ và thiết bị không ngừng được cải tiến, đầu tư.

Ngành cơ khí tăng từ 11,74% năm 2000 lên 21,84% năm 2005, tiếp tục tăng lên 25,8%

năm 2010 và giảm nhẹ còn 22,99% tổng giá trị sản xuất toàn ngành công nghiệp năm 2013. Nhiều công nghệ, trang thiết bị thế hệ mới đã được các doanh nghiệp ứng dụng, như hệ thống thiết bị chế tạo, gia công cơ khí tự động CNC, NC,... kết hợp với các phần mềm điều khiển thiết kế, tính toán kết cấu (PLC, Simetic, SAP,...). Đặc biệt là các dây chuyền, hệ thống thiết bị, máy móc điều khiển tự động bằng máy tính đã được các doanh nghiệp trong nước sản xuất để thay thế hàng nhập khẩu, có khả năng cạnh tranh cao do chất lượng ổn định và giá thành chỉ khoảng 50 – 70 % so với sản phẩm nhập khẩu cùng loại.

Biểu đồ 3. Cơ cấu giá trị sản xuất chia theo ngành công nghiệp trên địa bàn TP.HCM giai đoạn 2000 – 2013 (tính theo giá thực tế)



Ngành điện tử – công nghệ thông tin có quy mô sản lượng sản xuất chiếm khoảng trên 27% so với cả nước, với tỷ trọng tăng từ 0,79% năm 2000 lên 3,6% năm 2005, tiếp tục tăng lên 3,9% năm 2010 và lên 4,05% tổng giá trị sản xuất toàn ngành công nghiệp năm 2013. Nhiều trung tâm công nghiệp điện tử và công nghệ thông tin phát triển, như Công viên phần mềm Quang Trung, Khu Công nghệ cao thành phố, Tòa nhà Etown...; đã thu hút được nhiều dự án sử dụng công nghệ bán dẫn, công nghệ vi mạch, bo mạch điện tử của các tập đoàn kinh tế thế giới như Intel, Nidec. Ngoài ra, Thành phố Hồ Chí Minh nhiều dự án ứng dụng công nghệ mới để sản xuất sản phẩm từ năng lượng mặt trời.

Riêng ngành chế biến tinh lương thực thực phẩm thì có xu hướng giảm dần tỷ trọng giá trị sản xuất trong cùng giai đoạn 2000 – 2013. Điều này phù hợp với định hướng phát triển các ngành công nghiệp có hàm lượng

công nghệ cao để tạo ra những sản phẩm tinh chế, có giá trị gia tăng cao. Một số doanh nghiệp đầu ngành có thể kể đến như Vissan, Cầu Tre, Vifon, Masan,... Bên cạnh đó, các ngành công nghiệp khác như may mặc và da giày tuy vẫn chiếm tỷ trọng lớn trong ngành công nghiệp nhưng đã từng bước chuyển dần sang phát triển các công đoạn có giá trị gia tăng cao như thiết kế, chế tạo mẫu mã quần áo thời trang, giày thời trang cao cấp. Nhiều thương hiệu của thành phố đã chiếm lĩnh được thị trường trong nước và đẩy mạnh xuất khẩu, tiêu biểu như Phong Phú, Phước Long, Việt Tiến, Việt Thắng, Việt Thy, Thái Tuấn, An Phước, Sài Gòn 2, Bitis, Bitas,...

4. Đánh giá thực trạng chuyển dịch cơ cấu kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh

4.1. Thành tựu

- Cơ cấu kinh tế trên địa bàn thành phố trong giai đoạn 2000 – 2013 đã chuyển dịch theo hướng giảm dần tỷ trọng khu vực nông

ngành – lâm nghiệp – thủy sản; đồng thời tăng dân tỷ trọng khu vực dịch vụ. Sự chuyển dịch này là đúng hướng theo mục tiêu xây dựng TP.HCM trở thành trung tâm dịch vụ của toàn Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam và cả nước.

- Trong nội bộ ngành công nghiệp, Thành phố Hồ Chí Minh đã thực hiện đúng định hướng phát triển bốn ngành công nghiệp trọng yếu. Kết quả đạt được là tỷ trọng giá trị sản xuất của 4 ngành này trong tổng giá trị sản xuất công nghiệp tăng dần từ 50,6% năm 2000 lên 53,5% năm 2005, tiếp tục tăng lên 57,4% năm 2010 và lên 65,2% năm 2013. Đây là những ngành công nghiệp có hàm lượng công nghệ kỹ thuật cao, giá trị gia tăng cao, áp dụng công nghệ hiện đại, không gây ô nhiễm môi trường.

- Trong nội bộ ngành dịch vụ, chín ngành được định hướng phát triển đã cho thấy nhiều kết quả khả quan. Cụ thể, tính đến cuối năm 2013, 9 ngành dịch vụ này chiếm 93,2% tổng GDP khu vực dịch vụ; 50,6% tổng GDP trên địa bàn thành phố. Xu hướng chuyển dịch cơ cấu nội bộ ngành này là tích cực vì đây là những ngành có giá trị gia tăng cao.

- Trong lĩnh vực nông nghiệp, thành phố cũng đã xác định tập trung phát triển nông nghiệp công nghệ cao, giá trị gia tăng cao, tiềm năng xuất khẩu lớn như trồng rau sạch, trồng cây cảnh, nuôi cá cảnh, nuôi cá sấu, nuôi bò sữa.

** Nguyên nhân của những thành tựu*

- Sự chủ động, tích cực của Ủy ban nhân dân thành phố và các ngành, các cấp trong việc tổ chức triển khai các Chương trình, đề án; và ban hành nhiều chính sách, giải pháp nhằm hỗ trợ chuyển dịch cơ cấu kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế trên địa bàn thành phố.

- Hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật và xã hội đang được xây dựng và hoàn thiện nên đã thu hút nhiều nhà đầu tư trong và ngoài nước đến đầu tư phát triển sản xuất, mở rộng thị trường.

- Các khu chế xuất - khu công nghiệp, Khu công nghệ cao, Công viên phần mềm Quang Trung đã và đang phát triển mạnh.

Ngoài ra, cơ sở hạ tầng và một số công trình trọng điểm như hầm Thủ Thiêm, đại lộ Võ Văn Kiệt, cầu Phú Mỹ, cầu Rạch Chiếc,... được hoàn thành và đưa vào sử dụng đã góp phần thúc đẩy tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế trên địa bàn thành phố.

4.2. Hạn chế

- Sự sụt giảm tỷ trọng GDP khu vực công nghiệp – xây dựng trong tổng GDP trên địa bàn thành phố không chỉ là kết quả của quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, mà còn do ảnh hưởng của các cuộc khủng hoảng tài chính, suy thoái kinh tế. Hoạt động sản xuất công nghiệp gặp nhiều khó khăn do giá nguyên vật liệu đầu vào tăng cao, sức mua giảm.

- Các ngành công nghiệp có hàm lượng công nghệ cao đang trong giai đoạn đầu của quá trình phát triển nên tỷ trọng tổng giá trị sản xuất công nghiệp còn khá thấp. Cụ thể như ngành điện tử - công nghệ thông tin hiện chỉ chiếm 4,05% tổng giá trị sản xuất ngành công nghiệp thành phố năm 2013. Trong khi đó, Thành phố Hồ Chí Minh vẫn phát triển tương đối mạnh các ngành công nghiệp mang tính chất gia công, lắp ráp. Mặt khác, công nghiệp hỗ trợ phục vụ phát triển bốn ngành công nghiệp trọng yếu còn nhiều hạn chế nên chưa thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Tỷ lệ doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ trên doanh nghiệp chính của thành phố là 2,07 lần (Thái Lan là 50 lần); trong đó, thấp nhất là ngành cơ khí với 1,7 lần.

- Quá trình chuyển dịch cơ cấu nội bộ khu vực dịch vụ diễn ra chậm. Tỷ trọng các sản phẩm dịch vụ có hàm lượng khoa học – công nghệ cao, giá trị gia tăng cao của thành phố còn thấp. Hiện giáo dục – đào tạo và y tế là 02 ngành đang chiếm tỷ trọng thấp nhất trong số 9 ngành dịch vụ quan trọng trên địa bàn thành phố, chỉ khoảng 2,5 – 3,5% tổng GDP dịch vụ thành phố.

- Năng lực cạnh tranh của cả nền kinh tế thành phố nói chung và các sản phẩm hàng hóa, dịch vụ còn yếu do giá trị gia tăng thấp. Tỷ lệ xuất khẩu hàng may mặc theo phương thức gia công (CMT) chiếm đến 60%, xuất khẩu theo phương thức FOB chỉ khoảng 38%

và xuất khẩu dựa trên nhãn hiệu của chính mình (ODM) chỉ có 2% (Vũ Thành Tự Anh, 2012)

** Nguyên nhân của những hạn chế*

- Tác động của các cuộc khủng hoảng suy thoái kinh tế thế giới đối với tăng trưởng và phát triển của Thành phố Hồ Chí Minh. Từ đó, quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế chịu những ảnh hưởng không nhỏ.

- Tình trạng dàn trải và kém hiệu quả của các dự án đầu tư. Việc chậm đưa vào sử dụng các công trình trọng điểm do tiến độ triển khai thực hiện và vấn đề giải ngân là nguyên nhân lí giải hạn chế trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Điềm qua một số dự án sử dụng vốn ODA tại TP.HCM mới thấy nhiều dự án ngày kết thúc hiệp định vay đã cận kề nhưng tỉ lệ vốn chưa giải ngân vẫn còn nhiều. Chẳng hạn như dự án xây dựng đại lộ Đông Tây sử dụng vốn ODA gần 8.766 tỉ đồng và ngày kết thúc hiệp định vay là 31/8/2014 nhưng tỉ lệ giải ngân so với hiệp định vay đã ký chỉ đạt 85%. Hay như dự án cải thiện môi trường nước TP.HCM lưu vực kênh Tàu Hủ - Bến Nghé – Đòai – Tẻ (giai đoạn 1) sử dụng vốn ODA khoảng 4.258 tỉ đồng và có ngày kết thúc hiệp định vay là 31/8/2014 nhưng cũng chỉ giải ngân đạt 85% (Văn Nam, 2014).

- Khó khăn trong chất lượng nguồn nhân lực trên địa bàn thành phố, đặc biệt là sự thiếu hụt đội ngũ cán bộ quản lý có năng lực và lực lượng công nhân kỹ thuật có tay nghề cao. Phần lớn đội ngũ lao động trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa hiện nay trên địa bàn thành phố có trình độ văn hóa cấp II, chiếm khoảng 40 – 50 %; tỷ lệ có trình độ văn hóa phổ thông khoảng 20 – 30 %; còn lại 25 – 30 % có trình độ tiểu học (Bùi Thị Thu Hà (2011)). Ta có thể nói ý thức về vai trò của tri thức để tồn tại và phát triển trong quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế thành phố của người lao động chưa cao.

- Công tác dự báo tình hình kinh tế - xã hội của cả nước nói chung và trên địa bàn thành phố nói riêng còn hạn chế. Một trong những bài học đắt giá nhất về dự báo mà Việt Nam phải trải qua là tình hình lạm phát phi mã của năm 2008. Vào đầu năm 2008, các cơ

quan chức năng dự báo tăng trưởng kinh tế nước ta năm 2008 sẽ tăng trưởng khoảng 9,1%; lạm phát 8%. Nhưng thực tế, tăng trưởng chỉ đạt trên 6% và lạm phát thực tế đã là 24%, gấp ba lần dự báo (Lê Đình Ân, 2009). Do đó, thành phố thiếu các cơ sở để xây dựng các cơ chế chính sách quản lý mang tính ổn định và dài hạn, làm căn cứ để triển khai lập, tổ chức thực hiện quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội vùng và Thành phố Hồ Chí Minh đạt hiệu quả cao.

5. Một số khuyến nghị giải pháp

Sau những phân tích cụ thể về những thành tựu và hạn chế, nhằm đẩy nhanh hơn nữa quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế trên địa bàn thành phố, một số khuyến nghị giải pháp được đề xuất như sau:

- Nâng cao năng lực lãnh đạo, hiệu quả quản lý, điều hành của các cấp chính quyền, phát huy vai trò của các tổ chức đoàn thể, nhằm tạo sự đồng thuận xã hội cao, đảm bảo các chủ trương, định hướng của Nhà nước được thực hiện nghiêm túc và mang lại các kết quả tích cực.

- Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ kinh tế - xã hội hàng năm, nhất là các đề án, dự án, công trình quan trọng góp phần tạo sự đột phá trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Trong đó, cần chú trọng tập trung công tác lãnh đạo, chỉ đạo kiểm tra giám sát xây dựng kết cấu hạ tầng đúng chương trình, kế hoạch.

- Củng cố và phát triển hệ thống thông tin, đẩy mạnh công tác điều tra, khảo sát, thống kê và dự báo thị trường một cách nghiêm túc và chặt chẽ. Từ đó, các cấp chính quyền có cơ sở để đưa ra các chủ trương, định hướng đúng đắn; doanh nghiệp nâng cao năng lực tiếp cận và ứng dụng tri thức vào sản xuất kinh doanh.

- Tiếp tục rà soát, tháo gỡ vướng mắc khó khăn trong quá trình sản xuất kinh doanh. Tăng cường hỗ trợ doanh nghiệp về một số lĩnh vực như vốn tín dụng, khoa học – công nghệ,...

- Đối diện với thực trạng phần lớn đội ngũ lao động thiếu trình độ kỹ năng như hiện

nay, cần tăng cường nâng cao chất lượng nguồn nhân lực để đáp ứng những đòi hỏi của chuyển dịch cơ cấu, nhất là trong lĩnh vực cần ưu tiên phát triển như dịch vụ, công nghiệp và khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài. Ông Christian Bodewig, chuyên gia Kinh tế trưởng của WB khuyến cáo vào năm 2014, Việt Nam đang ở trong giai đoạn “dân số vàng” song cũng đồng nghĩa với việc dần chuyển sang “già hóa” dân số, điều đó có nghĩa là quy mô lao động không thể tăng thêm. Vì vậy, để thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế và đạt mức tăng trưởng cao hơn, việc đầu tư vào đào tạo người lao động là vấn đề cấp bách. Trong đó, lưu ý nâng cao năng lực và trình độ quản trị của các nhà quản lý, chủ doanh nghiệp.

- Xuất phát từ những bất cập trong mô hình tăng trưởng chủ yếu dựa vào tăng vốn và lao động, cũng như hạn chế trong năng lực cạnh tranh với thế giới, trong thời gian tới, thành phố cần nâng cao hàm lượng khoa học – công nghệ trong hàng hóa – dịch vụ. Khuyến khích và hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới dây chuyền máy móc thiết bị, phát triển sản phẩm mới, giảm tiêu hao nguyên nhiên liệu; đề sản phẩm có giá trị gia tăng và sức cạnh tranh cao, đạt hiệu quả kinh tế rõ rệt đảm bảo tăng trưởng bền vững và chuyển dịch cơ cấu kinh tế đúng định hướng.

- Cần quan tâm phát triển khối doanh nghiệp nhỏ và vừa. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế cốt lõi vẫn là nâng cao hiệu quả của nền kinh tế. Với số lượng lớn và đóng góp không nhỏ cho GDP, các doanh nghiệp nhỏ và vừa thực sự tạo ra động lực cho sự phát triển kinh tế. Đây là khối doanh nghiệp năng động nhất, có khả năng thích nghi cao với mọi thay đổi từ bên ngoài. Với sự linh hoạt đó, các doanh nghiệp này rất dễ dàng trong việc chuyển đổi ngành nghề và mặt hàng kinh doanh, qua đó tạo nên dòng chảy từ các ngành ít hiệu quả sang các ngành hiệu quả hơn. Đây chính là vấn đề cốt lõi của chuyển dịch cơ cấu.

- Hiện nay, thách thức lớn nhất đặt ra cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa chính là tri thức. Bởi vì đây là khối có khả năng thích nghi cao, và sự thích nghi này muốn bền vững phải dựa trên tri thức của doanh nghiệp. Trình độ yếu kém của chủ doanh nghiệp, nhà quản lý cũng như người lao động khiến cho các doanh nghiệp này đang hoạt động kém hiệu quả. Vấn đề cấp thiết là phải nâng cao trình độ cho yếu tố con người của các doanh nghiệp này. Bản chất của quá trình này không gì khác là việc hấp thụ các tri thức mới, các tri thức mà doanh nghiệp chưa biết đến. Những tri thức mới này sẽ được hấp thụ và tạo ra những thay đổi giúp các doanh nghiệp hiệu quả hơn.

6. Kết luận

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế vừa là kết quả vừa là động lực thúc đẩy phát triển kinh tế – xã hội. Hiện quá trình chuyển dịch này đã thu được nhiều kết quả khả quan, tuy vẫn còn tồn tại nhiều khó khăn, thách thức. Để thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu hiệu quả và đúng định hướng trong thời gian sắp tới, thành phố cần biết phát huy tối đa nội lực và tận dụng hợp lý các yếu tố bên ngoài để phát triển nhanh và bền vững. Điều này đồng nghĩa chúng ta cần có sự chuẩn bị tốt về năng lực điều hành quản lý của các cơ quan Nhà nước, cơ chế chính sách, cơ sở kết cấu hạ tầng kinh tế – xã hội, trình độ nguồn nhân lực,... Trong đó, cần lưu ý yếu tố có tính chất quyết định đối với sự tồn tại và phát triển hiện nay của doanh nghiệp nói riêng, và toàn bộ quá trình tăng trưởng kinh tế nói chung; đó là khoa học – công nghệ. Đặc biệt, doanh nghiệp nhỏ và vừa hiện giữ vai trò là hợp phần chính của nền kinh tế thành phố, với số lượng chiếm đa số. Xét trong bối cảnh hiện nay, yêu cầu bắt thiết đặt ra cho loại hình doanh nghiệp nhỏ và vừa này là việc nâng cao tính sẵn sàng trong việc hấp thụ tri thức, tiếp thu và ứng dụng khoa học công nghệ, để ngày càng khẳng định tầm quan trọng của mình trong quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế trên địa bàn thành phố.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bùi Thị Thu Hà (2011). “Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Việt Nam trong bối cảnh hiện nay”. *Hội thảo khoa học Hội nhập: Hợp tác và cạnh tranh*. Trường Đại học Thương mại và trường Cao đẳng Kinh tế Đối ngoại, tr. 588 – 598.
2. Cục Thống kê thành phố Hồ Chí Minh (2013). *Niên giám thống kê Thành phố Hồ Chí Minh các năm 2000 – 2013*.
3. Hoàng Anh Việt (2012). *Nghiên cứu sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế tỉnh Bắc Cạn trong giai đoạn 1997 – 2009*. Đại học Sư phạm Hà Nội.
4. Lê Đình Ân (2009). “Dự báo kinh tế: Không thể không...sai!”, *Tạp chí Đầu tư Chứng khoán*. 10/07/2014 [<http://tinnhanhchungkhoan.vn/da-tu/du-bao-kinh-te-khong-the-khong-sai-61532.html>]
5. Nguyễn Trúc Vân (2014). *Nâng cao chất lượng tăng trưởng kinh tế trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh* (dự thảo đề tài). Viện Nghiên cứu Phát triển thành phố Hồ Chí Minh.
6. Nguyễn Văn Nam và các đồng sự (2004). *Một số giải pháp chuyển dịch cơ cấu kinh tế nhằm phát triển xuất khẩu của Việt Nam phù hợp với xu hướng biến đổi của thị trường hàng hóa và dịch vụ thế giới*, Hà Nội.
7. Phạm Thị Khanh (2010). *Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng phát triển bền vững ở Việt Nam*. Viện nghiên cứu thương mại, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
8. Sở Công Thương TPHCM (2014). “Thực trạng và đề xuất giải pháp phát triển ngành công nghiệp hỗ trợ của Việt Nam và TPHCM”. *Tài liệu hội thảo khoa học Thực trạng, định hướng và giải pháp phát triển công nghiệp hỗ trợ Việt Nam*, trang 65 – 78.
9. Sở Khoa học công nghệ TPHCM (2010). *Định hướng phát triển Khoa học và Công nghệ TP.HCM đến năm 2020*. 09/07/2014, [<http://www.dost.hochiminhcity.gov.vn/pages/dinhhuong.aspx>].
10. Trần Quang Phú (2014). *Chuyển dịch cơ cấu kinh tế*. Ban Kinh tế phát triển – Viện Nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung ương, Hà Nội.
11. Ủy ban nhân dân TPHCM (2013). *Báo cáo Sơ kết 3 năm thực hiện Chương trình hỗ trợ chuyển dịch cơ cấu kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế thành phố (2011 – 2013) và nhiệm vụ giai đoạn 2014 – 2015*.
12. Ủy ban Nhân dân TPHCM (2010). *Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh lần thứ IX nhiệm kỳ 2010 – 2015*.
13. Văn Nam (2014). “Hiệu quả dự án ODA giảm do giải ngân chậm”. *Thời báo Kinh tế Sài Gòn*, 11/07/2014, [<http://www.thesaigontimes.vn/118524/Hieu-qua-du-an-ODA-giam-do-giai-ngan-cham.html>].
14. Vũ Thành Tụ Anh (2012). “Năng lực cạnh tranh ngành dệt may thành phố đang giảm” *Petrotimes*, 11/07/2014, [<http://petrotimes.vn/news/vn/kinh-te/nang-luc-can-kinh-tranh-nganh-det-may-tp-hcm-dang-giam.html>].